TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

Bản án số: 121/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 8 năm 2017
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quang Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.
2. Ông Ngô Văn Mừng.
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diễm Thúy, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị N, sinh năm 1993 (có mặt).
Địa chỉ: tổ 7, ấp My, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.
2. Bị đơn: ông Trần Phước T, sinh năm 1976 (vắng mặt).
Địa chỉ: tổ 11, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày: bà và ông Trần Phước T chung sống với nhau vào năm 2009 hôn nhân do quen biết và được hai bên gia đình chấp nhận, vợ chồng có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, ông T ham mê cờ bạc số đề không lo cuộc sống chung trong gia đình; vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về quan hệ con chung: bà và ông T có 02 con chung tên Trần Lê Bảo T, sinh ngày 21.11.2011; Trần Lê Phước T, sinh ngày 27.10.2014. Hiện 02 con

chung đang sống với bà N. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Trọng cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Phước T đã được tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải. Nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Trần Phước T đã được tống đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hoãn phiên tòa. Hôm nay, ông T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015. Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa và tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là có căn cứ.

- Bà Lê Thị N xin ly hôn với ông Trần Phước T. Ông T có nơi cư trú tại ấp Long Thạnh 1, xã Long G, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà Lê Thị N và ông Trần Phước T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể hàn gắn được. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T không gửi cho Tòa án ý kiến cũng như không tham gia các phiên hòa giải, nên Tòa án đã lập biên bản tiến hành hòa giải không được. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà N, ông T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N xin ly hôn với ông Trần Phước T là phù hợp được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung: bà N, ông T có 02 con chung tên Trần Lê Bảo T, sinh ngày 21.11.2011; Trần Lê Phước T, sinh ngày 27.10.2014. Hiện con chung đang sống với bà N. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Trọng cấp dưỡng nuôi con.

Xét về yêu cầu nuôi con chung của bà N thì thấy: từ khi bà N và ông T không còn sống chung cho đến nay bà N vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu Bảo T và cháu Phước Tluôn đảm bảo về thể chất và tâm sinh lý phát triển tốt. Bà N có đủ điều kiện về kinh tế để đảm bảo cuộc sống cho 02 con chung. Hơn nữa hiện tại 02 cháu Bảo T, Phước Ttuổi đời còn rất nhỏ nên cần sự chăm sóc gần gũi của người mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Bảo T, Phước Tcho bà N được tiếp tục trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với

quy định pháp luật. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do bà N không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà N trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận bà N trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà N, ông T trong thời kỳ hôn nhân thì bà N, ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

- Nghị Quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị N được ly hôn với ông Trần Phước T.

Giấy chứng nhận kết hôn: số 242, quyển số 01/2014 của Ủy ban nhân dân xã Long G, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 12 năm 2014 không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: bà N được tiếp tục trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Trần Lê Bảo T, sinh ngày 21.11.2011; Trần Lê Phước T, sinh ngày 27.10.2014. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: bà N trình bày bà và ông T thự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận bà N trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà N, ông T trong thời kỳ hôn nhân thì bà N, ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013844 ngày 28.4.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà N đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Lê Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Phước T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Thanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Long G.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.